TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 02-4-2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thế Nam– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 431/2018/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phan Thị H; sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn H1; sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông vào ngày 10/10/2011. Chị với anh H1 chung sống với nhau được khoảng hai tháng thì chị và anh H1 đã sống ly thân liên tục cho đến nay. Nguyên nhân, chị có một người con riêng, anh H1 không cho chị nuôi dưỡng cháu cùng sống chung, tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H1 tính gia trưởng. Chị không thể chung sống với anh H1 nên chị đã sống ly thân

với anh H1 cho đến nay, hiện nay chị thấy không còn tình cảm với anh H1, hôn nhân không đạt được mục đích, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia toàn bộ quá trình tố tụng nhưng anh H1 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do.

-Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu:

+Về thủ tục tố tụng: HĐXX và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng hình sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+Vế nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Phan Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú tại: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông vào ngày 10/10/2011, đối chiếu với Giấy chứng nhận kết hôn do chị H giao nộp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là hợp pháp.

Theo các biên bản lời khai có trong hồ sơ vụ án thì vợ chồng chị H anh H1 có mâu thuẫn, chị H và anh H1 kết hôn và chung sống từ năm 2011, chị H và anh H1 chung sống được khoảng 02 tháng thì đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H và anh H1 không có sự chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh H1 và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H1, phía anh H1 đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết không có lý do, như vậy bị đơn anh H1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn, không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau, như vậy, chị H và anh H1 đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ chị H và anh H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị H yêu cầu ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0022413 ngày 04/10/2018.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (TTr);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà